

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TPĐ
TỈNH TG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2021/DSST
Ngày: 21-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TPĐ – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông VNH.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh D.
2. Ông Nguyễn Văn A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Nguyễn Thanh T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TPĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021 ngày 11 tháng 6 năm 2021; Thông báo dời phiên tòa số 54/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp B B, xã Ph Th, huyện TPĐ, tỉnh TG.

Đại diện do được ủy quyền của bà Tơ: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh TG.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2021)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thoa, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp C T 1, xã Ph Th, huyện TPĐ, tỉnh TG.

(Bà L xin vắng mặt; bà Th vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Tơ và đại diện do được ủy quyền của bà T là bà Võ Thị Kim L trình bày:*

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, bà Nguyễn Thị Th có vay bà Trần Thị T số tiền là 27.500.000đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, có làm biên nhận, hạn 01 tháng trả, nhưng khi đến hạn bà Thoa không trả tiền cho bà T.

Nay bà Trần Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả lại số tiền vốn gốc là 27.500.000đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* và yêu cầu bà Thoa trả lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/3/2020 đến ngày xét xử *(tạm tính đến khi nộp đơn là 3.575.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng))*.

** Theo biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Thoa trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Th có vay của bà Trần Thị T tổng cộng 03 lần, không nhớ rõ ngày với số tiền là 19.000.000đ *(mười chín triệu đồng)*. Ngày 10/3/2020, bà T có yêu cầu bà Th viết biên nhận nợ cộng dồn vốn gốc và lãi với số tiền là 27.500.000đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*. Biên nhận nợ bà Tơ cung cấp là do bà Thoa viết.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà Th xin trả tiền vốn gốc là 19.000.000đ *(mười chín triệu đồng)*, xin trả dần mỗi tháng 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)*. Bà Th không đồng ý trả số tiền lãi nhập vào vốn gốc là 8.500.000đ *(tám triệu năm trăm nghìn đồng)*.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông:*

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả lại số tiền vốn gốc là 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và yêu cầu bà Th trả lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/3/2020 đến ngày xét xử (*tạm tính đến khi nộp đơn là 3.575.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463** Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TPĐ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả cho bà T số tiền vốn gốc là 27.500.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận nợ ngày 10 tháng 3 năm 2020 có chữ ký và chữ viết họ tên của bà Nguyễn Thị Th xác nhận có mượn (vay) bà Trần Thị T số tiền là 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Th cũng thừa nhận biên nhận do bà T cung cấp là do bà Th viết và ký tên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà Th trả số tiền vốn gốc là 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà Th trả số tiền lãi tính trên số tiền gốc là 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) từ ngày 10/3/2020 đến ngày xét xử là ngày 21/9/2021, (thời gian tính lãi là 18 tháng 10 ngày), lãi suất 1%/tháng với số tiền là 5.041.166đ (*Năm triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị Th cho rằng chỉ vay số tiền là 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*) còn số tiền 8.500.000đ (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*) là số tiền lãi nhập vào vốn gốc. Tuy nhiên, bà Th không đưa ra chứng cứ chứng minh cho việc lãi nhập vào vốn gốc, lời trình bày của bà Th không được phía bà T thừa nhận. Vì vậy, lời trình bày về việc số tiền 8.500.000đ (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*) là số tiền lãi nhập vào vốn gốc của bà Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, **235 Bộ luật Tố tụng dân sự;**
- Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Th trả cho bà Trần Thị T số tiền vốn gốc là 27.500.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và tiền lãi là 5.041.166đ (*Năm triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Th chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Th chịu số tiền án phí là 1.627.058đ (*Một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm năm mươi tám đồng*).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện TPĐ;
- THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

VNH